

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 01/2021/HS-ST

Ngày 07 - 01 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Hương và bà Nguyễn Thị Hộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Duy Q. Tên gọi khác: B. Sinh ngày 01/11/1996 tại Kon Tum. Nơi cư trú: Đường L, Thôn K, Phường. T, TP. K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Thợ xăm; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị T1, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không. Về nhân thân: Ngày 29/09/2014, Trần Duy Q bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 03 tháng 06 ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản” được trả tự do ngay tại phiên tòa (Đã xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến nay “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1967.

+ Chị Trần Thị Phương T3, sinh năm 1990.

Cùng nơi cư trú: Số nhà C, đường Đ, tổ N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Đều có mặt";

+ Anh Mai Xuân T4, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ M, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. "Vắng mặt".

- Người làm chứng:

+ Anh Phan Sơn H, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: Tổ S, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt";

+ Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt";

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00' ngày 21/6/2020, khi lên cơn nghiện ma túy, Trần Duy Q (Tên gọi khác: B) – Sinh ngày 01/11/1996 trú tại đường L, Thôn K, Phường T, Thành phố Kon Tum gọi điện thoại cho một người thanh niên tên Đ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) để mua ma túy đá (*ma túy tổng hợp*) với giá 400.000 đồng. Một lúc sau, Đ mang 01 (*một*) gói ma túy đá bỏ trong bì nilông dán kín đến đưa cho Q tại nhà thuê ở trên đường L, thôn K, phường T, thành phố Kon Tum. Sau khi mua được ma túy, Q lấy ra một ít để sử dụng. Số ma túy còn lại Q để trên bàn trong phòng khách. Đến khoảng 22 giờ 00' cùng ngày, Q tiếp tục gọi điện thoại cho Đ để hỏi mua ma túy đá (*ma túy tổng hợp*) với giá tiền 10.000.000 đồng thì Đ đồng ý và hẹn Q lúc nào có ma túy thì sẽ gọi điện lại. Khoảng 01 giờ 00' ngày 22/6/2020, Đ gọi điện thoại cho Trần Duy Q hẹn đến khu vực sân bóng đá đường N thuộc thôn K, phường T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để giao dịch mua bán ma túy. Lúc này, Q đi bộ đến điểm hẹn thì gặp Đ đi xe mô tô (*không rõ biển kiểm soát*) đứng đợi từ trước bên lề đường nên Q đã đưa cho Đ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Đ cầm tiền và chỉ cho Q lấy bì nilông màu đen bên trong có ma túy trên đồng rác cạnh chỗ Đ đang đứng. Sau khi lấy được ma túy, Q cầm trên tay phải của mình đi bộ về nhà thuê. Khi về đến nhà, Q mở bì nilông màu đen ra xem thì thấy bên trong có 02 gói ma túy (một gói lớn và một gói nhỏ), nên Q đã cất giấu toàn bộ ma túy vào kẽ phản gỗ trong phòng khách. Lúc này, Đ gọi điện thoại lại cho Q và nói “trong đó có hai gói, gói nhỏ anh bán cho mày, còn gói lớn mày cầm hộ cho anh”. Nghe vậy nên Q đồng ý cất giấu gói ma túy đá do Đ gửi. Khoảng 10 giờ 00' ngày 22/6/2020, Phan Sơn H (Sinh năm: 2001) trú tại: Tổ S, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum đến nhà chơi. Trần Duy Q lấy một ít ma túy đá ra sử dụng cùng với Phan Sơn H, số ma túy còn lại Q để trên bàn (*số ma túy này do Trần Duy Q mua của Đ ngày 21/6/2020 sử dụng còn lại*). Khi đang sử dụng ma túy thì có hai người thanh niên (*không rõ lai lịch*) đến nhà và hỏi Q về việc xăm hình trên người. Thấy Q và H đang sử dụng ma túy thì hai người này xin sử dụng ma túy cùng mọi người một lúc rồi bỏ đi. Đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, Nguyễn Minh H1 (Sinh năm: 1998); trú tại: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Kon Tum mượn xe mô tô biển kiểm soát 81G1-100.69 của Mai Xuân T4 (Sinh năm: 1992); trú tại: Tổ M, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai đi đến nhà Trần Duy Q mục đích xin ma túy đá về sử dụng. Khi đến nơi, H1 đi vào trong nhà thấy trên bàn có 01 gói ma túy nên H1 đã hỏi xin Q ma túy về sử dụng. Q đồng ý nên H1 đã lấy 01 gói ma túy trên bàn rồi đi về. Khi Nguyễn Minh H1 vừa ra khỏi nhà Trần Duy Q thì bị Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum bắt quả tang, thu giữ 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng, đựng trong bì nilông dán kín. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố K đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn

Minh H1 về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, Biên bản niêm phong và niêm phong tang vật theo quy định.

Đến 17 giờ ngày 22/6/2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum thi hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Duy Q trên đường Đường L, Thôn K, Phường. T, thành phố K, tỉnh Kon Tum phát hiện thu giữ tại kẻ phản gỗ trong phòng khách có 04 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong phong bì ni lông dán kín bỏ trong bì ni lông dán kín bên ngoài bọc bì ni lông màu đen được quấn bằng băng keo màu trắng và 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong 02 bì ni lông dán kín, bên ngoài bọc bì ni lông màu đen được quấn bằng băng keo màu trắng cùng một số đồ vật tài liệu khác có liên quan nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã tiến hành lập biên bản niêm phong và niêm phong tang vật vụ án.

Tại kết luận giám định số 126/KLGD- PC09 ngày 25/06/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

- Mẫu chất tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “01” gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,040 gam là loại: Methamphetamine.

- Mẫu chất tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M2.1; M2.2; M2.3; M2.4; M2.5) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “02” gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 68,733 gam, là loại Methamphetamine.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thành phố K thu giữ gồm:

- 0,040 gam ma túy là loại Methamphetamine (Sau khi giám định hoàn lại là 0,02 gam ma túy là loại Methamphetamine) và 68,733 gam ma túy là loại Methamphetamine (Sau khi giám định hoàn lại là 68,590 gam ma túy, loại Methamphetamine) và 01 cân tiểu ly màu trắng mặt sau ghi Madein China (200g/0,01gQC PASHD); 08 ống nhựa màu đen, 01 khò ga màu xanh, 20 bì ni lông màu trắng, 03 điện thoại di động (01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đỏ; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu hồng, nắp sau bị tháo rời; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu tím); 02 xe mô tô (01 xe mô tô mang biển số 81G1-100.69, kiểu dáng YAMAHA Jupiter màu đỏ, đen bạc số máy: 5B92-016320, số khung: B9207y016320, 01 xe mô tô biển số 82K8- 7389, nhãn hiệu Attila, màu đen).

Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã trả cho anh Mai Xuân T14 01 xe mô tô biển kiểm soát 81G1- 100.69; trả cho bà Bùi Thị T2 01 xe mô tô mang biển số 82K8- 7389, trả cho anh Nguyễn Minh H1 01 điện thoại di động OPPO màu tím. Các vật chứng còn lại chờ xử lý.

Bản cáo trạng số: 140/CT-VKSTPKT ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Trần Duy Q về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng cũng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều

249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Duy Q (B) từ 10 năm đến 11 năm tù. Về vật chứng vụ án đề nghị Áp dụng khoản 1; điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Các vật chứng mà cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã trả lại anh Mai Xuân T4 01 xe mô tô biển kiểm soát 81G1- 100.69; trả cho bà Bùi Thị T 201 xe mô tô mang biển số 82K8- 7389, trả cho anh Nguyễn Minh H1 01 điện thoại di động OPPO màu tím theo thẩm quyền, không đề cập đến nữa. Tịch thu và tiêu hủy: 0,040 gam ma túy là loại Methamphetamine (Sau khi giám định hoàn lại là 0,02 gam chất ma túy là loại Methamphetamine) và 68,733 gam ma túy là loại Methamphetamine (Sau khi giám định hoàn lại là 68,590 gam chất ma túy là loại Methamphetamine) là vật cấm tàng trữ; 01 cân tiểu ly màu trắng mặt sau ghi Madein China (200g/0,01gQC PASHD); 08 ống nhựa màu đen, 01 khò ga màu xanh, 20 bì ni lông màu trắng và 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu hồng, nắp sau bị tháo rời là tài sản của bị cáo không còn giá trị sử dụng. Trả lại bà Thơm 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đỏ mà Q mượn của bà T2 sử dụng nhưng bà không biết Q dùng điện thoại của bà để liên lạc mua ma túy.

Tại phiên tòa xét xử, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu giải quyết gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy Q (B) đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình là: Do nghiện ma túy nên vào lúc 19 giờ 00' ngày 21/6/2020, khi lên cơn nghiện ma túy, Trần Duy Q mua 01 bì ma túy của Đ với giá 400.000 đồng để sử dụng nhưng chưa hết. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Q gọi điện thoại cho Đ để mua ma túy với giá 10.000.000 đồng thì Đ đồng ý. Sau đó đến khoảng 1 giờ ngày 22/6/2020 Đ gọi điện thoại di động cho Q và Đ nói chỗ để ma túy cho Q và Q đã đưa cho Đ 10 triệu đồng, Q cầm ma túy về nhà cất giấu nhằm mục đích sử dụng, sau đó Q cho Nguyễn Minh H1 01 gói ma túy mua từ ngày 21/6/2020 để Hiên sử dụng thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố K bắt quả tang đối với H1 đang tàng trữ 0,040 gam ma túy loại

Methamphetamine và tiến hành khám xét nơi Q ở, đã thu giữ 68,733 gam ma túy, loại Methamphetamine.

[3] Xét, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ như biên bản lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Duy Q đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, tàng trữ ma túy là loại **Methamphetamine** có khối lượng là 68,733 gam đây là chất ma túy được quy định trong danh mục thuộc Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ bị cấm tàng trữ; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Q khai trong số ma túy bị cáo mua của Đ để sử dụng thì còn có số ma túy mà Đ gửi Q nhờ giữ gìn, Đ cũng không nói rõ là giữ để bán hay để sử dụng, Q đồng ý và cất giữ trái phép; cơ quan Điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được đối tượng Đ để xác định Đ nhờ giữ để bán hay để sử dụng nên Q phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ số lượng ma túy khi bị bắt về hành vi tàng trữ là đúng quy định của pháp luật. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các quy định về chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với việc cất giữ chất ma túy, không những vậy bản thân bị cáo sử dụng ma túy có thể gây lên hậu quả không lường hết được cho bản thân bị cáo cũng như cho cộng đồng; bị cáo còn cho người khác sử dụng ma túy gây nên dư luận xấu và hoang mang cho nhân dân địa phương, việc đưa bị cáo ra xét xử và xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây lên nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người công dân sống có ích cho xã hội.

Trên cơ sở xem xét toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Số lượng ma túy bị cáo tàng trữ là nhiều, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống biết tôn trọng pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người nghiện ma túy, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo có tên là Đ, chưa xác định được nhân thân lai lịch nên tiếp tục điều tra xử lý sau; đối với Nguyễn Minh H1 có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố K căn cứ điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ- CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính là đúng; Đối với Phan Sơn H là người nghiện ma túy được Q cho ma túy sử dụng và 02 thanh niên không rõ lai lịch đến thăm hình xin ma túy Q sử dụng chứ Q không chỉ huy, phân công, điều hành việc chuẩn bị, địa điểm, phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy nên không khởi tố Q về hành vi lôi kéo người khác sử dụng ma túy, đồng thời đã xử lý hành chính đối với anh H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp; Đối với ông Võ Duy Q1 là người cho Trần Duy Q thuê nhà để ở nhưng Q lại tàng trữ ma túy ông Q1 không biết nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố K không xử lý là đúng pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà T2, anh H1 ông T4 đã nhận lại xe mô tô, điện thoại và không yêu cầu gì về vấn đề dân sự nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1; điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, việc đề nghị xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Duy Q (Tên gọi khác: B) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Duy Q (Tên gọi khác: B) 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/6/2020.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy: 68,610 gam chất ma túy là loại Methamphetamine; 01 cân tiểu ly màu trắng mặt sau ghi Made in China (200g/0,01gQC PASHD); 08 ống nhựa màu đen, 01 khò ga màu xanh, 20 bì ni lông và 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu hồng, nắp sau bị tháo rời. Trả lại bà Bùi Thị T2 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đỏ; Các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản bàn giao ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

- Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị

cáo Trần Duy Q (Tên gọi khác: B) phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (31/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung